TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 57/2022/QĐST-DS	*Mỏ Cày Bắc, ngày 08 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Kiều Công Trường;

2. Ông Phạm Văn Út;

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 176/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1968; (Có mặt)
Địa chỉ: ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: ông Lê Văn L, sinh năm: 1963;
Địa chỉ: ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:
Chị Võ Thị Minh T2, sinh năm: 1982; (Có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị M, sinh năm: 1932;

2. Bà Lê Thị P, sinh năm: 1972; (Có mặt)

3. Anh Nguyễn Lê Minh T3, sinh năm: 1995;

4. Chị Nguyễn Lê Thị Mỹ T4, sinh năm: 1999;

Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Nguyễn Thị Minh T5, sinh năm: 1967;

6. Anh Nguyễn Lê Minh T6, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T7, huyện B, tỉnh Bến Tre.

7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: ấp A1, xã H1, huyện N, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M, anh T3, chị T4, chị T5, anh T6 và chị H:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1968; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

8. Bà Dương Thị Đ, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Thị Đ:

Chị Võ Thị Minh T2, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: ấp A, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị P đồng ý phần đất đang tranh chấp thửa 44A(11), diện tích 231,2m^2, thuộc một phần thửa số 44, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn L đứng tến trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn L. Phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của ông Lê Văn L dài 113,72m;

- Hướng Nam giáp phần đất của hộ ông Nguyễn Văn T dài 112,95m;

- Hướng Đông giáp rạch D dài 2,86m;

- Hướng Tây giáp thửa 55 dài 1,36m.

2. Ông Lê Văn L, bà Dương Thị Đ đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn T phần đất có diện tích 149,4m^2 thuộc một phần thửa số 54, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre do hộ ông Nguyễn Văn T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, (được ký hiệu trên họa đồ thửa 54A, tờ bản đồ số 11). Phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp đất của ông Lê Văn L dài 112,95m;

- Hướng Nam giáp phần đất còn lại của hộ ông Nguyễn Văn T dài 111,14m;

- Hướng Đông giáp rạch D dài 3,23m;

3. Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị P và ông Lê Văn L, bà Dương Thị Đ đồng ý xác định ranh giới đất giữa hộ ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn L là đường ranh theo bản đồ VLAP.

(Có họa đồ hiện trạng đất kèm theo).

- Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Án phí, chi phí tố tụng:

- Chi phí đo đạc, định giá và chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền là 6.162.000đ (Sáu triệu một trăm sáu mươi hai ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn T phải chịu là 3.081.000đ (Ba triệu không trăm tám mươi mốt ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn T đã nộp xong.

Ông Lê Văn L và bà Dương Thị Đ có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 3.081.000đ (Ba triệu không trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

- Án phí: Ông Lê Văn L và bà Dương Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung